TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **372**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2023
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Hiểu**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Phạm Tiến Lợi**
- Bà **Nguyễn Thị Hà**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Lê Đắc Hùng** - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **210/2023**/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2023/QĐST-DS ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/9/1992

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 6/3/1988

Nơi đăng ký HKTT và cư trú tại: Tổ S, Tổ Dân phố T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Văn D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (ĐKKH số: 229/2021 ngày 24/3/2021). Sau khi kết hôn, vợ chồng

sống chung cùng tại Thôn Đ, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Tháng 2 năm 2022 chị T, anh D sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm với anh D nữa nên yêu cầu xin được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 19/10/2020. Hiện tại cháu đang ở cùng chị T, sức khỏe cháu bình thường. Sau khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Gia H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D cấp dưỡng mỗi con chung.

Về tài sản chung, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Anh Nguyễn Văn D xác định về việc kết hôn, đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại Thôn Đ, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội và có quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Nay, chị T có đơn xin ly hôn anh D đồng ý.

Về con chung: Xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia H , sinh ngày 19/10/2020. Hiện tại đang ở cùng chị T, sức khỏe cháu bình thường. Anh D đồng ý sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Gia H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung.

Về tài sản chung, công sức: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Anh D xác định không có.

Quá trình giải quyết tại Tòa án, anh Nguyễn Văn D đã đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án, đã viết Bản tự khai. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, sau khi anh D đọc nội dung Biên bản hòa giải không đồng ý với nội dụng giao con chung trong Biên bản hòa giải anh D có thái độ không hợp tác làm việc, anh D bỏ về không ký Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và không tiếp tục đến Tòa án làm việc, không giao nộp các ý kiến bằng văn bản nào khác cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình bố, mẹ đẻ anh Nguyễn Văn D và đại diện chính quyền địa phương nơi anh D cư trú. Bà Nguyễn Thị Dính, sinh năm 1962. HKTT: Tổ S, Tổ Dân phố T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội là Mẹ đẻ anh D xác định vợ chồng chị T, anh D chỉ đăng ký kết hôn không thường xuyên sống chung cùng nhau, thỉnh thoảng có mâu thuẫn, cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T có Đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án Tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định Hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H , sinh ngày 19/10/2020 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T có Đơn khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn D về việc xin ly hôn, nuôi con nên xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Nguyễn Văn D hiện có Hộ khẩu thường trú và cư trú tại Tổ S, Tổ Dân phố T, thị trấn X, huyện C, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của Bị đơn anh Nguyễn Văn D: Anh D đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Chị Nguyễn Thị T có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tổ S, Tổ Dân phố T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội ngày 24/3/2021 tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân là hợp pháp.

[2.2]. Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D: Chị T xác định vợ chồng nhiều mẫu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ vợ chồng, thường xuyên cãi nhau không sống chung cùng nhau. Kết quả xác minh tại nơi anh D cư trú mẹ đẻ của anh D bà Nguyễn Thị Dính, sinh năm 1962 cho biết vợ chồng chị T, anh D chỉ đăng ký kết hôn không thường xuyên sống chung cùng nhau, có mâu thuẫn, cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, là phù hợp với quy định của pháp luật để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là Nguyễn Gia H , sinh ngày 19/10/2020 (dưới 36 tháng tuổi).

Hiện tại cháu Nguyễn Gia H đang ở cùng chị T, sức khỏe thể chất, tinh thần cháu bình thường. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của chị T là chính đáng, tạo điều kiện phát triển toàn diện cho cháu Như về tâm sinh lý, thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Gia H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Chị T không đề nghị anh D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung, công sức: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 172, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H , sinh ngày 19/10/2020 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Nguyễn Gia H đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu, thay đổi khác.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn D cho đến khi có quyết định, thay đổi khác.

3. Về công nợ chung, tài sản chung, công sức chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2020/0076799 ngày 05 tháng 6 năm 2023

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quang Hiếu